

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 59

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo hai mươi chín (29) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi chín vào ngày 4 tháng 8 năm 2017 được phê duyệt điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty thành 9.274.679.470 ngàn VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, hai mươi chín (29) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và năm (5) chi nhánh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; các hoạt động về thể thao và giải trí và sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Bà Trương Thị Kim Ánh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2017
Ông Lâm Hoàng Hải	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 60752790/19538943/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được trình bày từ trang 6 đến trang 59 bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của chúng tôi đề ngày 15 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến vấn đề này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017


Ngàn VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.071.381.236	5.163.837.326
110	I. Tiền		131.281.496	291.731.443
111	1. Tiền	4	131.281.496	291.731.443
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.847.390.860	4.767.203.132
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	307.728.918	358.844.277
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	62.259.511	59.812.505
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.417.541.743	2.471.337.409
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.066.117.133	1.883.465.386
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.256.445)	(6.256.445)
140	III. Hàng tồn kho	9	88.693.109	101.179.533
141	1. Hàng tồn kho		88.967.428	101.179.533
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(274.319)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.015.771	3.723.218
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		634.603	354.224
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.381.168	3.368.994
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		23.572.463.948	23.442.236.559
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		12.535.811.022	11.978.378.916
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	11.427.401.315	11.249.488.058
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.108.409.707	728.890.858
220	II. Tài sản cố định		256.486.039	265.454.619
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	220.112.831	228.256.797
222	Nguyên giá		326.068.123	326.639.890
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(105.955.292)	(98.383.093)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	36.373.208	37.197.822
228	Nguyên giá		45.450.152	45.450.152
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.076.944)	(8.252.330)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	33.963.953	34.583.669
231	1. Nguyên giá		37.073.202	37.073.202
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(3.109.249)	(2.489.533)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.583.389	11.088.353
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.583.389	11.088.353
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	10.723.310.092	11.139.377.964
251	1. Đầu tư vào công ty con		10.796.880.851	11.213.889.436
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.360.041	7.360.041
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(85.930.800)	(86.871.513)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.309.453	13.353.038
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	13.309.453	13.353.038
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		27.643.845.184	28.606.073.885

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.187.776.716	16.326.537.190
310	I. Nợ ngắn hạn		2.986.806.811	5.605.041.849
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	89.154.629	86.744.243
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	736.147.119	1.147.768.493
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	75.129.128	57.219.255
314	4. Phải trả người lao động		14.469.841	11.555.025
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	157.290.398	382.066.156
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	788.709.886	1.142.263.406
320	7. Vay ngắn hạn	20	1.125.660.848	2.773.199.648
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		244.962	4.225.623
330	II. Nợ dài hạn		11.200.969.905	10.721.495.341
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	18	480.216.650	141.879.425
338	2. Vay dài hạn	20	10.708.436.524	10.571.394.796
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.3	6.673.209	2.329.641
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		5.643.522	5.891.479
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		13.456.068.468	12.279.536.695
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	13.456.068.468	12.279.536.695
411	1. Vốn cổ phần		9.274.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.263.858.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		638.321.551	561.569.778
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		561.569.778	561.186.730
421b	- Lợi nhuận sau thuế kỳ này		76.751.773	383.048
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		27.643.845.184	28.606.073.885


Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập


Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc



Ngày 15 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	170.135.106	362.394.109
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(141.246.201)	(284.231.693)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.888.905	78.162.416
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	580.931.656	743.224.137
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(467.769.246) (464.275.564)	(770.975.639) (633.412.541)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(3.503.085)	(6.722.343)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(39.518.564)	(45.021.257)
30	8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		99.029.666	(1.332.686)
31	9. Thu nhập khác		2.286.575	18.921.657
32	10. Chi phí khác		(4.490.814)	(1.214.090)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác		(2.204.239)	17.707.567
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		96.825.427	16.374.881
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	(15.730.086)	(17.128.804)
52	14. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26	(4.343.568)	6.463.109
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		76.751.773	5.709.186



Nguyễn Thị Đỗ Quyền
Người lập



Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		96.825.427	16.374.881
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	10,11, 12	10.043.833	9.717.796
03	Các khoản dự phòng		274.318	89.750.377
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.112.103	3.241.698
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(565.226.035)	(727.512.751)
06	Chi phí lãi vay	24	464.275.564	633.412.541
	Thu nhập khác	22.4	(14.418.900)	-
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(7.113.690)	24.984.542
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		802.819.892	(108.840.507)
10	Giảm hàng tồn kho		12.212.105	61.780.417
11	Giảm các khoản phải trả		(789.022.208)	(38.232.070)
12	Giảm chi phí trả trước		(236.794)	(667.775)
14	Tiền lãi vay đã trả		(252.133.333)	(298.694.543)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(2.177.082)	(14.361.981)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.980.661)	(2.527.618)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(239.631.771)	(376.559.535)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(9.484.297)	(27.573.724)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		4.394.486	216.538.167
23	Tiền chi cho vay		(1.073.025.177)	(1.299.071.774)
24	Tiền thu hồi cho vay		1.183.627.024	582.016.188
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(2.550.000)	(10.072.542)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	223.606.773
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		17.906.641	735.136.711
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		120.868.677	420.579.799
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		183.482.521	852.232.475
34	Tiền trả nợ gốc vay		(225.169.374)	(877.634.550)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(41.686.853)	(25.402.075)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(160.449.947)	18.618.189
60	Tiền đầu kỳ	4	291.731.443	238.067.919
70	Tiền cuối kỳ	4	131.281.496	256.686.108



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo hai mươi chín (29) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi chín vào ngày 4 tháng 8 năm 2017 được phê duyệt điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty thành 9.274.679.470 ngàn VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; các hoạt động về thể thao và giải trí và sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai và Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1,126 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 412).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, hai mươi chín (29) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và năm (5) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)
Lĩnh vực bất động sản			
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN")	TPHCM, Việt Nam	Đang hoạt động	68,90
(2) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar ("HAGL Myanmar")	Tp. Yangon, Myanmar	Đang hoạt động	68,90
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok (i)	Tp. Bangkok, Thái Lan	Đang hoạt động	32,38
Lĩnh vực thủy điện			
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai ("DHA")	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,40
(5) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu ("NK2")	Viên Chăn, Lào	Chờ thanh lý	99,40
(6) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3 ("NK3")	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	99,40
Lĩnh vực nông nghiệp			
(7) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") (ii)	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	66,96
(8) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	66,96
(9) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	65,47

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)
Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)			
(10) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	65,47
(11) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	66,64
(12) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HAA")	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	66,96
(13) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	65,47
(14) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	66,96
(15) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	66,96
(16) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	66,96
(17) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	66,96
(18) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	66,29
(19) Công ty Cổ phần An Đông Mia	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	47,84
(20) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	47,84
(21) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	66,76
(22) Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	66,76
(23) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	TPHCM, Việt Nam	Trước hoạt động	66,96
(24) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	TPHCM, Việt Nam	Trước hoạt động	66,96
(25) Công ty TNHH Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	66,96
(26) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	66,96
(27) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	66,96
(28) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	66,90



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp (%)
Lĩnh vực khai khoáng			
(29) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(30) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	99,40
(31) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	99,40
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(32) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,85
(33) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(34) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	80,00
(35) Công ty TNHH V&H Corporation	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(36) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(37) Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	TP HCM, Việt Nam	Trước hoạt động	51,00
Các chi nhánh			
Dịch vụ hàng hóa – xây dựng			
(1) Chi nhánh nguyên vật liệu – Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(2) Chi nhánh cơ khí – Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(3) Chi nhánh chế biến hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Quản lý bất động sản và khách sạn			
(4) Quản lý bất động sản Quy Nhơn	TP Quy Nhơn, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(5) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Công ty liên kết			
Dịch vụ tư vấn			
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	TP HCM, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00
(i) Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát công ty này.			
(ii) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HNG và chính thức được giao dịch từ ngày 20 tháng 7 năm 2015.			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13. Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa tổng hợp.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm máy vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	50 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.20 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

3.21 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền gửi ngân hàng	130.184.043	289.602.746
Tiền mặt tại quỹ	1.097.453	2.128.697
TỔNG CỘNG	131.281.496	291.731.443

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	168.644.740	237.669.545
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	124.480.827	104.705.886
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện</i>	75.119.514	81.912.929
<i>Khách hàng khác</i>	49.361.313	22.792.957
Phải thu về thanh lý tài sản và bất động sản đầu tư	5.105.875	6.917.973
Phải thu tiền bán căn hộ	9.497.476	9.550.873
TỔNG CỘNG	307.728.918	358.844.277
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 27)</i>	190.256.100	227.116.109
<i>Phải thu các bên khác</i>	117.472.818	131.728.168

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Tân Hoàn Mai	35.781.330	34.661.630
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hồng Lam	11.000.000	11.000.000
Các khoản trả trước khác	15.478.181	14.150.875
TỔNG CỘNG	62.259.511	59.812.505
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước các bên khác</i>	60.109.511	57.662.505
<i>Trả trước các bên liên quan (TM số 27)</i>	2.150.000	2.150.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<i>Ngàn VND</i>			
Ngắn hạn			
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 27)	(i)	1.328.046.222	2.466.950.084
Cho vay ngắn hạn các công ty	(ii)	89.495.521	4.387.325
		1.417.541.743	2.471.337.409
Dài hạn			
Cho vay dài hạn các bên liên quan (TM số 27)	(i)	11.166.651.864	10.912.093.392
Cho vay dài hạn các công ty	(ii)	90.898.501	167.394.068
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu	(iii)	169.850.950	170.000.598
		11.427.401.315	11.249.488.058
TỔNG CỘNG		12.844.943.058	13.720.825.467

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan có thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 12 năm 2023 và hưởng lãi suất trung bình từ 6% đến 15%/năm.
- (ii) Khoản cho vay tín chấp các công ty khác với thời hạn hoàn trả từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 6 năm 2021 và hưởng lãi suất trung bình từ 9,75% đến 15%/năm, chi tiết như sau:

		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<i>Ngàn VND</i>			
Công ty TNHH Điện Quang Trung		62.945.000	62.945.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Bá Thước		50.000.000	50.000.000
Khác		67.449.022	58.836.393
TỔNG CỘNG		180.394.022	171.781.393

- (iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay – Dự án sân bay quốc tế Attapeu không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cần trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai:

		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nợ gốc (USD)		7.482.421	7.482.421
Nợ gốc (Ngàn VND)		169.850.950	170.000.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngân VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Phải thu lãi cho vay	1.991.857.147	1.812.801.808
Tạm ứng cho nhân viên	13.363.791	7.400.424
Phải thu khác	60.896.195	63.263.154
	2.066.117.133	1.883.465.386
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 27)</i>	2.005.870.625	1.846.416.294
<i>Phải thu các bên khác</i>	60.246.508	37.049.092
Dài hạn		
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (i)	512.111.100	493.211.100
Phải thu lãi cho vay	439.762.081	78.920.554
Ký quỹ, ký cược dài hạn	514.680	514.680
Phải thu khác	156.021.846	156.244.524
	1.108.409.707	728.890.858
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 27)</i>	1.100.472.612	728.283.251
<i>Phải thu các bên khác</i>	7.937.095	607.607
TỔNG CỘNG	3.174.526.840	2.612.356.244

(i) Đây là khoản phải thu về HĐHTKD giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đông Meas - công ty con để đầu tư vào Dự án trồng 9.173 ha cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Koun Mom, Tỉnh Rattanakiri, Vương quốc Campuchia theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 0103/2014/HAGL-AĐM/HĐHTĐT ngày 1 tháng 3 năm 2014. Theo đó, Công ty sẽ góp 88% với tổng trị giá 1.476.016.235 ngàn VND tổng vốn đầu tư Dự án. Việc hợp tác đầu tư này không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, dự án đang trong giai đoạn triển khai thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Giá trị các căn hộ sẵn sàng để bán	43.662.635	46.792.708
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.950.448	21.056.487
Hàng hóa	14.419.285	20.854.628
Thành phẩm	3.181.931	2.907.407
Nguyên vật liệu	12.707.710	9.417.085
Công cụ, dụng cụ	45.419	151.218
TỔNG CỘNG	88.967.428	101.179.533
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(274.319)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	88.693.109	101.179.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	239.118.033	40.372.709	37.333.284	3.018.364	6.689.440	108.060	326.639.890
Tăng trong kỳ	2.188.207	441.500	263.853	-	-	150.000	3.043.560
Thanh lý trong kỳ	(2.338.685)	(704.266)	(572.376)	-	-	-	(3.615.327)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>238.967.555</u>	<u>40.109.943</u>	<u>37.024.761</u>	<u>3.018.364</u>	<u>6.689.440</u>	<u>258.060</u>	<u>326.068.123</u>
Giá trị hao mòn lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(49.866.477)	(20.364.516)	(20.189.648)	(2.191.721)	(5.730.206)	(40.525)	(98.383.093)
Khấu hao trong kỳ	(3.909.987)	(2.131.590)	(1.872.482)	(196.822)	(479.617)	(9.005)	(8.599.503)
Thanh lý trong kỳ	49.975	404.953	572.376	-	-	-	1.027.304
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(53.726.489)</u>	<u>(22.091.153)</u>	<u>(21.489.754)</u>	<u>(2.388.543)</u>	<u>(6.209.823)</u>	<u>(49.530)</u>	<u>(105.955.292)</u>
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>189.251.556</u>	<u>20.008.193</u>	<u>17.143.636</u>	<u>826.643</u>	<u>959.234</u>	<u>67.535</u>	<u>228.256.797</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>185.241.066</u>	<u>18.018.790</u>	<u>15.535.007</u>	<u>629.821</u>	<u>479.617</u>	<u>208.530</u>	<u>220.112.831</u>
<i>Trong đó:</i>							
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của công ty con</i>	185.241.066	18.018.790	15.535.007	629.821	479.617	208.530	220.112.831
<i>Giá trị nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết</i>	-	1.799.307	867.340	609.540	-	-	3.276.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 30 tháng 6 năm 2017	30.278.179	15.171.973	45.450.152
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	(8.252.330)	(8.252.330)
Khấu hao trong kỳ	-	(824.614)	(824.614)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	(9.076.944)	(9.076.944)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	30.278.179	6.919.643	37.197.822
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	30.278.179	6.095.029	36.373.208
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay của công ty con</i>	30.278.179	6.095.029	36.373.208

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	22.072.022	15.001.180	37.073.202
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(739.395)	(1.750.138)	(2.489.533)
Khấu hao trong kỳ	(369.697)	(250.019)	(619.716)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	(1.109.092)	(2.000.157)	(3.109.249)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	21.332.627	13.251.042	34.583.669
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	20.962.930	13.001.023	33.963.953
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của công ty con</i>	20.962.930	13.001.023	33.963.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.549.712	5.119.062
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	619.716	416.699

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đầu tư vào công ty con	10.796.880.851	11.213.889.436
Đầu tư vào công ty liên kết	5.000.000	5.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.360.041	7.360.041
TỔNG CỘNG	<u>10.809.240.892</u>	<u>11.226.249.477</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)
Đầu tư vào công ty con:							
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG")	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò	64,81	4.805.903.839	-	70,45	5.224.484.938	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN")	Bất động sản	68,90	3.253.537.647	-	68,90	3.253.537.647	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai ("Thủy điện HAGL")	Năng lượng	99,40	2.532.179.575	-	99,40	2.532.179.575	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai ("Bệnh viện HAGL")	Bệnh viện	99,00	99.000.000	-	99,00	99.000.000	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai ("Thể thao HAGL")	Câu lạc bộ Bóng đá	51,00	59.000.000	(59.000.000)	51,00	59.000.000	(59.000.000)
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	80,00	26.930.800	(26.930.800)	80,00	26.930.800	(26.930.800)
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai ("BDS&KS HAGL")	Quản lý bất động sản và khách sạn	-	-	-	94,50	977.486	(940.713)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane ("HAGL Vientiane")	Quản lý bất động sản và khách sạn	100,00	17.778.990	-	100,00	17.778.990	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Thương mại	51,00	2.550.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG			10.796.880.851	(85.930.800)		11.213.889.436	(86.871.513)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)
Đầu tư vào công ty liên kết:					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	5.000.000	25,00	5.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:					
Công ty Cổ phần Truyền Thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại, vận tải		1.160.041		1.160.041
TỔNG CỘNG			7.360.041		7.360.041

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền thuê đất trả trước	9.559.075	9.694.786
Công cụ, dụng cụ	3.750.378	3.557.377
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	100.875
TỔNG CỘNG	13.309.453	13.353.038

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	84.640.966	86.694.242
Phải trả tiền mua máy móc thiết bị	4.513.663	50.001
TỔNG CỘNG	89.154.629	86.744.243
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	49.144.742	56.905.641
Phải trả các bên liên quan (TM số 27)	40.009.887	29.838.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước	491.636.607	530.537.536
Khách hàng thương mại trả tiền trước	240.053.012	610.747.160
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	4.457.500	6.483.797
TỔNG CỘNG	736.147.119	1.147.768.493
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (TM số 27)</i>	730.782.678	1.140.521.561
<i>Các bên khác</i>	5.364.441	7.246.932

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.981.390	15.730.086	(2.177.082)	61.534.394
Thuế giá trị gia tăng	1.962.674	4.251.893	(3.654.357)	2.560.210
Thuế thu nhập cá nhân	785.857	1.347.683	(807.627)	1.325.913
Thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	6.489.334	4.993.610	(1.774.333)	9.708.611
TỔNG CỘNG	57.219.255	26.323.272	(8.413.399)	75.129.128

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí lãi vay	611.893.505	486.454.051
Chi phí phát hành trái phiếu	24.034.326	34.728.075
Chi phí hoạt động	1.579.217	2.763.455
TỔNG CỘNG	637.507.048	523.945.581
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ngắn hạn</i>	157.290.398	382.066.156
<i>Dài hạn</i>	480.216.650	141.879.425

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả tiền mượn không lãi từ các công ty khác	497.159.421	853.583.376
Phải trả về thu hộ	194.180.097	191.688.447
Phải trả hộ tiền thuê đất của công ty con	82.428.607	82.428.607
Phí bảo trì căn hộ	11.025.854	11.379.727
Phải trả lãi vay	1.698.599	1.698.599
Phải trả cổ tức	366.416	366.416
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.850.892	1.118.234
TỔNG CỘNG	788.709.886	1.142.263.406
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 27)</i>	594.089.280	951.927.828
<i>Phải trả các bên khác</i>	194.620.606	190.335.578

20. VAY

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vay ngắn hạn				
Trái phiếu hoán đổi (TM số 20.2)	1.130.000.000	-	(433.000.000)	697.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 20.1)	25.000.000	-	-	25.000.000
Trái phiếu chuyển đổi (TM số 20.4)	1.100.000.000	-	(1.100.000.000)	-
Trái phiếu thường trong nước đến hạn trả (TM số 20.3)	518.199.648	60.000.000	(174.538.800)	403.660.848
	<u>2.773.199.648</u>	<u>60.000.000</u>	<u>(1.707.538.800)</u>	<u>1.125.660.848</u>
Vay dài hạn				
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 20.1)	875.275.808	-	-	875.275.808
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 20.5)	-	198.621.134	-	198.621.134
Trái phiếu thường trong nước (TM số 20.3)	9.696.118.988	-	(61.579.406)	9.634.539.582
	<u>10.571.394.796</u>	<u>198.621.134</u>	<u>(61.579.406)</u>	<u>10.708.436.524</u>
TỔNG CỘNG	13.344.594.444	258.621.134	(1.769.118.206)	11.834.097.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngân hàng

Vay dài hạn

Chi tiết của khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
	Ngàn VND	Ngàn VND	USD			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Gia Lai	600.569.350	474.725.354	5.522.001	Từ năm 2017 đến ngày 20 tháng 10 năm 2020	11,6%	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của vườn cao su 1.194,74 ha và các lợi ích hợp pháp khác từ vườn cây trên 1.199 ha tại xã Pờ Tô, Ia Pa, Gia Lai (của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên)_GCNQSDĐ số AP709627 diện tích 5.870.000m ² và GCNQSDĐ số AQ082358 diện tích 6.120.000m ² ; Toàn bộ công trình khu liên hợp học viên bóng đá HAGL tại Ia Băng, DakDoa, Gia Lai; Toàn bộ công trình đại học Y Dược HAGL; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAGL
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	299.706.458	299.706.456	-	Từ năm 2019 đến 30 tháng 8 năm 2020	10,5%	196.368.090 cổ phiếu HAN do công ty HAG sở hữu
TỔNG CỘNG	900.275.808					
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>25.000.000</i>					
<i>Vay dài hạn</i>	<i>875.275.808</i>					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu hoán đổi

Chi tiết trái phiếu hoán đổi như sau:

Trái chủ	Ngày 30	Ngày 31 tháng	Lãi suất	Ngày đáo hạn
	tháng 6 năm 2017	12 năm 2016		
	Ngàn VND	Ngàn VND		
Công ty TNHH Glory Red Star (i)	697.000.000	697.000.000	Lãi suất = 5%/năm x (1+ Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái)	Ngày 14 tháng 7 năm 2017
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn (ii)	-	433.000.000	"Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái" là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa USD và VND do HSBC niêm yết kể từ ngày phát hành Trái Phiếu đến trước ngày 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi	
Tổng cộng	697.000.000	1.130.000.000		

Các khoản trái phiếu tín chấp trên được thực hiện nhằm tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của HNG.

(i) Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai do Công ty nắm giữ tại bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày Hoàn Tất tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày Hoàn Tất.

Vào ngày 29 tháng 6 năm 2017, công ty Northbooks Investment Mauritius Pte Ltd, chủ sở hữu trái phiếu hoán đổi có mệnh giá 697 tỷ VND đã thực hiện thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ trái phiếu hoán đổi này cho Công ty TNHH Glory Red Star với số lượng 697.000 trái phiếu hoán đổi với mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu.

Sau ngày lập báo cáo tài chính này, toàn bộ trái phiếu hoán đổi này đã được xử lý như được trình bày tại TM số 30.

(ii) Vào ngày 2 tháng 5 năm 2017 và ngày 20 tháng 6 năm 2017, theo các yêu cầu của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Sài Gòn (Saigon Capital), tổ chức nắm giữ các trái phiếu hoán đổi với tổng giá trị 433 tỷ VND này, Công ty đã hoàn thành việc hoán đổi bằng 43.300.000 cổ phiếu HNG.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Trái phiếu thường trong nước

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	6.546.000.000	6.546.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	883.660.847	1.060.108.381
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC")	930.000.000	930.000.000
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS")	991.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IBSC")	183.000.000	183.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	594.000.000	600.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	<u>(89.460.417)</u>	<u>(104.789.745)</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.038.200.430</u>	<u>10.214.318.636</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	9.634.539.583	9.696.118.988
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	403.660.847	518.199.648

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
BIDV và BSC	BIDV	6.546.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) NHTM tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3%/năm (trung bình 9,73%/năm)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	<p>Các quyền thuê đất như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp - Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh; - 9.996,9 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu ; 5.588 ha (trồng cao su) và 2.093,6 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; - 9.380,9 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu Công ty TNHH Một Thành viên Hoàng Anh Andong Meas; - 1.960,91 ha tại Tỉnh Rattanakiri thuộc sở hữu Công ty TNHH MTV Heng Brothers; - 3.283,66 ha tại Tỉnh Rattanakiri, thuộc sở hữu Công ty TNHH MTV C.R.D <p>Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất như trên;</p> <p>Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên;</p> <p>44.926.000 cổ phiếu HAG Công ty do ông Chủ tịch HĐQT nắm giữ.</p>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
ACBS	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	240.000.000	Năm thứ nhất 10%, năm thứ hai trở đi lãi suất sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp kỳ hạn mười ba tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm (trung bình 10%/năm)	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su (Tỉnh Rattanakiri, Campuchia); dự án nhà máy mía đường, nhiệt điện, ethanol và phân vi sinh (Tỉnh Attapeu, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào ("Lào"); dự án thủy điện Nậm Kông 2 (Tỉnh Attapeu, Lào) và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	12.960.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 13.405.675 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ; 45.230.000 cổ phiếu của CNGL sở hữu bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú
	Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Bắc Á (*)	343.660.847	Bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười ba (13) tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 6,5%/năm (trung bình 13,8%/năm)	Ngày 27 tháng 4 năm 2017		62.021.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 10.800.000 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ; Quyền sử dụng 308,4 ha trái cây của CNGL
	Công ty Cổ phần Việt Golden Farm	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng của NHTMCP Tiên Phong cộng với biên độ 4,5%/năm (trung bình 10%/năm)	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	196.368.900 cổ phần HAN thuộc sở hữu của Công ty; Tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu phức Hợp Hoàng Anh Myanmar của HAGL Myanmar

883.660.847

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn đến
hạn trả

403.660.847

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, các điều kiện ràng buộc như được quy định trong hợp đồng trái phiếu đã bị vi phạm. Công ty đang trong quá trình làm việc với ngân hàng để xin gia hạn trái phiếu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
PHUGIASC	Ngân hàng HD - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	930.000.000	Lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần và bằng chi phí vốn (COF) VND 12 tháng do ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM cộng với biên độ 3,5%/năm (trung bình 10%/năm)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	74.070.455 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 10.800.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 196.368.900 cổ phiếu HAN thuộc sở hữu của Công ty.
VPBS	VPB	991.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi đối với tổ chức kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng với biên độ áp dụng cho ba (3) kỳ tính lãi thuộc năm đầu tiên là 3,5%/năm và các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,25%/năm (trung bình 10,58%/năm)	Ngày 28 tháng 12 năm 2021	Hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai với CNGL (600 tỷ VND), và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (400 tỷ VND)	110.628.505 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 4.700.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 19.940.000 cổ phiếu HNG tại Công ty Cổ phần Daun Penh ("Daun Penh") và dự án Daun Penh với quy mô 73.760.785 m ² tại Tỉnh Rattarakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty Daun Penh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
IBSC	VPB	183.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của NH VN Thịnh Vượng được xác định tại ngày xác định lãi suất cộng với biên độ 4%/năm (2017: 10,50%/năm)	Ngày 29 tháng 12 năm 2020	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	198.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; Dự án 7.376,08 ha cọ dầu của Công ty TNHH Daun Penh Agrico tại xã Chey Ou Dom, huyện Lumphat, tỉnh Ratanakiri, Campuchia và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT
FPTS và VPB	VPB	594.000.000	Bằng lãi suất tiền gửi bằng VND đối với tổ chức kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB – Sở Giao Dịch được xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất (“Lãi Suất Tham Chiếu”) cộng với biên độ là 4%/năm (trung bình 10,96%/năm)	Ngày 27 tháng 12 năm 2021	Dự án chăn nuôi bò thịt tại xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai cho Công ty Bò sữa Tây Nguyên, là công ty con, dưới hình thức hợp tác đầu tư	196.368.900 cổ phần HAN sở hữu bởi HAG; Tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu phức hợp Hoàng Anh Myanmar của HAGL Myanmar; Vốn góp 51 triệu USD của HAN vào HAGL Myanmar; 225.970.000 cổ phần của Thủy điện HAGL; 198.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 19.940.000 cổ phần của HNG tại Công ty Cổ phần Đông Pênh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.4 Trái phiếu chuyển đổi

Vào ngày 11 tháng 5 năm 2017, Northbrooks Investment (Maritius) Pte Ltd ("NIMP"), trái chủ của trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ này, đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ trái phiếu này sang Công ty TNHH Blue Hope tương ứng 1.100.000 trái phiếu với mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu.

Ngày 22 tháng 5 năm 2017, Hội đồng quản trị của Công ty phê duyệt việc phát hành thêm 137.500.000 cổ phiếu HAG để chuẩn bị cho phương án chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu bằng hình thức phát hành riêng lẻ.

Vào ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty TNHH Blue Hope đã tiến hành chuyển nhượng tất cả trái phiếu chuyển đổi lại cho 6 cá nhân khác.

Đến ngày 6 tháng 6 năm 2017, 6 cá nhân này đã thực hiện quyền chuyển đổi toàn bộ trái phiếu này thành cổ phiếu HAG với tỷ lệ 1 trái phiếu: 125 cổ phiếu HAG, tại mức giá chuyển đổi là 8.000 VNĐ/cổ phiếu, tương đương 137.000.000 cổ phiếu đã được phát hành mới. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2205/17/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 22 tháng 5 năm 2017, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0506/17/NQHĐQT-HAGL ngày 5 tháng 6 năm 2017 và các thông báo chuyển đổi có liên quan.

20.5 Vay dài hạn từ bên liên quan

Chi tiết vay dài hạn từ bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Mục đích	Ngàn VND
					Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Thủy điện HAGL	146.091.134	5%	Ngày 16 tháng 6 năm 2022	Thanh toán trái phiếu Bắc Á	Tín chấp
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu HAGL	52.530.000	8%	5 năm kể từ ngày chuyển tiền đầu tiên (ngày 26 tháng 6 năm 2017)	Bổ sung vốn kinh doanh	
TỔNG CỘNG	198.621.134				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	561.186.730	12.279.153.647
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	5.709.186	5.709.186
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>7.899.679.470</u>	<u>3.539.078.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>279.895.303</u>	<u>566.895.916</u>	<u>12.284.862.833</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	561.569.778	12.279.536.695
Vốn tăng trong kỳ (TM số 20.4)	1.375.000.000	(275.220.000)	-	-	-	1.099.780.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	76.751.773	76.751.773
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>9.274.679.470</u>	<u>3.263.858.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>279.895.303</u>	<u>638.321.551</u>	<u>13.456.068.468</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	927.467.947	789.967.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>927.467.947</i>	<i>789.967.947</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	927.399.283	789.899.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>927.399.283</i>	<i>789.899.283</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.664</i>	<i>68.664</i>

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Doanh thu thuần	170.135.106	362.394.109
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	<i>76.217.216</i>	<i>78.798.185</i>
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	<i>74.655.803</i>	<i>146.247.246</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>15.004.039</i>	<i>18.621.119</i>
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	<i>4.258.048</i>	<i>54.249.959</i>
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	<i>-</i>	<i>64.477.600</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	<i>110.748.416</i>	<i>195.616.486</i>
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>59.386.690</i>	<i>166.777.623</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi cho vay	563.480.565	739.086.264
Thu nhập từ hoán đổi trái phiếu (*)	14.418.900	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.722.243	3.317.115
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.249.948	820.758
Cổ tức nhận được	60.000	-
TỔNG CỘNG	<u>580.931.656</u>	<u>743.224.137</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	<i>545.250.510</i>	<i>705.362.272</i>
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>35.681.146</i>	<i>37.861.865</i>

(*) Khoản này thể hiện phần thu nhập từ việc hoán đổi trái phiếu 433 tỷ VND, như được trình bày tại TM số 20.4.

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa đã bán	66.291.774	113.483.878
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	58.909.190	51.975.427
Giá vốn căn hộ đã bán	3.130.073	42.368.220
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	-	64.867.426
Giá vốn dịch vụ cung cấp	12.915.164	11.536.742
TỔNG CỘNG	<u>141.246.201</u>	<u>284.231.693</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	464.275.564	633.412.541
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.984.084	18.438.510
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	36.773	32.304.814
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con	-	86.819.774
Các khoản khác	472.825	-
TỔNG CỘNG	<u>467.769.246</u>	<u>770.975.639</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.748.286	3.201.095
Chi phí lương nhân viên	814.957	1.013.271
Chi phí bán hàng khác	939.842	2.507.977
	3.503.085	6.722.343
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	23.295.406	23.648.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.138.380	8.885.438
Chi phí khấu hao	4.583.314	4.317.958
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	2.930.603
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.501.464	5.239.184
	39.518.564	45.021.257
TỔNG CỘNG	43.021.649	51.743.600

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.730.086	11.432.253
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	-	5.696.551
Chi phí (thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.343.568	(6.463.109)
TỔNG CỘNG	20.073.654	10.665.695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế tính thuế:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	96.825.427	16.374.881
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông áp dụng	19.365.085	10.391.343
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán</i>		
Các khoản phạt	612.788	152.137
Các chi phí không được khấu trừ	123.698	888.773
Thu nhập cổ tức	(12.000)	-
Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(15.917)	(6.463.109)
Chi phí thuế TNDN	20.073.654	4.969.144
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	-	5.696.551
Chi phí thuế TNDN	20.073.654	10.665.695

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Ngàn VND			
	<u>Bảng cân đối kế toán</u> <u>tổng hợp giữa niên độ</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động</u> <u>kinh doanh tổng hợp giữa niên độ</u>	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả)				
Dự phòng hàng tồn kho	1.596.030	1.596.030	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(8.269.239)	(3.925.671)	(4.343.568)	6.463.109
Thuế TNDN hoãn lại phải trả thuần	(6.673.209)	(2.329.641)		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(4.343.568)	6.463.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	7.263.298	11.003.502
		Bán hàng và cung cấp hợp đồng xây dựng	1.794.235	6.689.402
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	71.109.313	78.782.940
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.713.369	13.483.845
		Lãi cho vay	10.020.596	22.870.069
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ và xây dựng	14.529.672	31.207.864
		Lãi cho vay	53.172.892	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	2.442.908	3.157.429
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Lãi cho vay	1.709.823	14.913.889
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lum Phát	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.834.915	12.373.346
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	14.835.876	11.100.027
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ xây dựng	10.501.590	16.911.353
		Lãi cho vay	37.085.768	33.247.672
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	139.897.373	117.609.156
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng	18.447.046	44.276.807
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	30.969.195
		Lãi cho vay	82.583.591	66.892.304
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	14.181.498	14.332.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	18.100.000	42.304.080
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	25.041.014	214.936.055
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	3.913.477	3.935.098
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	2.482.376	1.047.671
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	7.354.177	7.559.825
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	9.983.750	3.822.000
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	4.339.662	3271437
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	5.345.458	3.935.750
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	8.126.397	7.518.459
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	22.927.662	1.147.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Cung cấp dịch vụ xây dựng	3.607.706 1.662.308	52.016.116 5.039.704
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Cung cấp dịch vụ xây dựng	54.906.043 1.362.783	47.923.170 1.162.957
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	24.707	30.431.054
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	25.630.831	18.330.032
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Bán hàng hóa	10.014.681	10.023.503
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ Cung cấp dịch vụ xây dựng	6.402.398 13.545.858	9.717.187 9.105.689
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ xây dựng	2.243.108	10.972.000
Công ty Hoàng Anh Lum Phát	Công ty con	Bán hàng hóa	14.496.538	8.266.597
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chuyển nhượng tài sản cố định	5.105.875	6.582.902
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.886.110	5.869.574
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.042.758	3.980.945
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.501.714	-
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	3.226.738	7.694.679
TỔNG CỘNG			190.256.100	227.116.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Ứng trước mua hàng hóa	2.150.000	2.150.000
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất (%/năm)	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	10,81% - 11%	473.847.778	660.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	9,75% - 12%	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	8% - 15%	185.319.911	446.516.211
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	11,93% - 14%	-	430.376.353
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	10,5% - 15%	189.000.000	189.000.000
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật Liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	11,29% - 15,73%	115.917.134	115.917.134
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	11,53% - 16,45%	54.140.387	54.140.386
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	14% - 15%	-	40.000.000
Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Atapeu	Công ty con	-	-	14.500.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	9,75% - 12%	-	2.000.000
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	12% - 15%	14.500.000	14.500.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	10,5% - 15%	233.692.679	-
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	13% - 15%	61.628.333	-
TỔNG CỘNG (*)			1.328.046.222	2.466.950.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		<i>Ngàn VND</i>		
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7)</i>				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	11,93% - 14%	4.709.052.382	5.209.360.533
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	8%	1.321.977.971	1.321.977.971
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	9,75% - 12,5%	1.373.507.200	892.234.500
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	10% - 12%	685.644.101	673.076.978
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	8% - 15%	1.307.502.667	656.198.957
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	12% - 15%	447.283.772	397.409.844
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	10%	60.429.920	350.000.000
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	12%	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	11%	-	227.599.349
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	6% - 10,5%	155.054.233	265.198.198
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	15%	82.726.796	141.231.794
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	0%	53.092.286	53.092.286
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	10%	34.007.539	34.007.539
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	0%	15.129.116	24.207.836
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	13,21% - 15,73%	214.552.308	14.651.980
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	6 - 15%	93.000.000	93.000.000
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	13%	-	61.628.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	%/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 7) (tiếp theo)				
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	0%	12.908.597	10.165.504
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	0%	7.537.943	7.544.584
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	8% - 15%	126.936.530	32.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xê Kông	Công ty con	0%	507.206	507.206
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	8% - 15%	147.000.000	147.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh - Nhà máy Gỗ Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	0%	18.801.297	-
TỔNG CỘNG (*)			11.166.651.864	10.912.093.392
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú (*)	Công ty liên quan	Lãi cho vay	867.546.235	844.300.839
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	328.083.653 5.752.228	273.952.170 5.003.691
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	-	43.737.257
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	61.742.189 -	47.146.887 3.266.859
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	18.666.535	21.273.973
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	4.879.195 4.078.841	- -
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	31.591.582	23.465.186
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Chi trả hộ	5.359.424	2.530.531
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Chi trả hộ	12.624.059	12.624.059
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	13.938.685	10.406.208
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Chi trả hộ	4.234.493	4.250.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	%năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8) (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	1.489.345 126.000	3.833.715 -
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Chi trả hộ	-	2.754.469
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	293.033.907 2.494.325	250.870.126 14.387.260
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay Khác	98.262.738 -	60.549.461 1.506.409
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Khác	39.334.820 7.878.867	35.315.530 -
Công ty Cổ phần Xây Dựng Huynh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	5.211.196	2.728.820
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay Chi trả hộ	153.385.069 5.060.433	143.698.819 2.440.389
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Chi trả hộ	2.727.775	2.730.178
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	1.600.000	1.600.000
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay Chi trả hộ	18.637.166 203.137	17.652.375 406.274
Công ty TNHH MTV Đại Lộc Hưng Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	17.462.381	13.122.719
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	466.347	861.199
TỔNG CỘNG			2.005.870.625	1.846.416.294
Phải thu dài hạn khác (TM số 8)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ Lãi cho vay	123.325.618 138.258.682	123.426.562 41.348.533
Công ty Cổ phần An Đông Meas	Công ty con	Phải thu về HĐHTKD Lãi cho vay	512.111.100 1.819.611	493.211.100 -
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	21.994.640	3.894.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu dài hạn khác (TM số 8) (tiếp theo)				
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Lãi cho vay	4.360.667	3.894.640
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	77.949.591	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	112.019.629	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Lãi cho vay	20.074.417	11.110.667
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	29.575.000	4.495.150
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	23.894.219	14.072.042
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	32.696.227	32.725.035
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	2.053.997	-
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	339.214	104.882
TỔNG CỘNG			1.100.472.612	728.283.251
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 15)				
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	15.323.674	15.372.931
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	9.201.129	9.209.211
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Mua dịch vụ	1.126.648	161.647
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	2.227.264	2.606.444
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.541.000	2.439.909
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty con	Mua hàng hóa	9.328.145	-
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	262.027	48.460
TỔNG CỘNG			40.009.887	29.838.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 16)				
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước dịch vụ xây dựng	306.020.992	306.020.992
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên quan	Nhận ứng trước dịch vụ xây dựng	194.864.543	193.716.544
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	122.231.030
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	140.157.988
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	47.256.000	98.159.761
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	26.678.265	51.419.034
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	60.605.840	109.223.907
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	31.430.152
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	57.253.289	57.253.289
		Nhận ứng trước dịch vụ xây dựng	30.800.000	30.800.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	108.864
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	2.571.542	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	4.732.207	-
TỔNG CỘNG			730.782.678	1.140.521.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 19)				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	2.205.085	2.065.085
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Chi trả hộ	11.786.059	11.786.059
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	120.972.462	122.224.022
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Vay mượn tạm	24.000.000	256.502.907
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	13.396.900	13.396.900
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi trả hộ	22.769.750	22.769.750
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	-	126.169.374
		Chi trả hộ	6.051.722	6.051.722
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	3.808.366	3.808.366
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	3.102.699	3.137.302
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL – Kon Tum	Công ty con	Chi trả hộ	2.402.766	2.402.766
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Chi trả hộ	1.852.787	1.825.937
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	366.158.461	366.158.462
		Chi trả hộ	489.770	489.770
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	1.745.540	1.393.535
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty con	Chi trả hộ	3.323.700	3.323.700
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Chi trả hộ	272.700	272.700
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Công ty liên quan	Chi trả hộ	221.788	221.788
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	6.450.000	6.450.000
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Bên liên quan	Chi trả hộ	1.204.111	1.204.111
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Cho mượn tạm	1.700.000	-
Các công ty khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	174.614	273.572
TỔNG CỘNG			594.089.280	951.927.828

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, khoản phải thu của Công ty đối với An Phú và các công ty liên quan với An Phú đã được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Ông Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty liên quan khác.

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Ban thư ký trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<i>Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc</i>		
Lương	3.769.781	4.381.410
<i>Ban kiểm soát</i>		
Lương	310.674	657.900
<i>Ban thư ký</i>		
Lương	68.953	-
TỔNG CỘNG	4.149.408	5.039.310

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên thuê

Công ty thuê các lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây khác. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dưới 1 năm	1.301.822	1.301.822
Từ 1 đến 5 năm	5.207.288	5.207.288
Trên 5 năm	38.894.589	40.845.539
TỔNG CỘNG	45.403.699	47.354.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dưới 1 năm	2.729.400	3.156.745
Từ 1 đến 5 năm	1.589.755	4.122.495
Trên 5 năm	668.618	-
TỔNG CỘNG	4.987.773	7.279.240

Cam kết góp vốn đầu tư

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có các cam kết góp vốn vào các HĐHTKD liên quan đến các dự án chăn nuôi bò và trồng chăm sóc cây cao su như sau:

<i>Công ty</i>	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Giá trị theo hợp đồng</i>	<i>Giá trị đã ghi nhận</i>	<i>Giá trị cam kết còn lại</i>
Công ty Cổ phần An Đông Mia	1.476.016.235	512.111.100	963.905.135
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	650.000.000	470.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên	750.104.500	600.000.000	150.104.500
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Bá Thước	300.000.000	50.000.000	250.000.000
TỔNG CỘNG	3.176.120.735	1.632.111.100	1.544.009.635

29. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2017, Công ty TNHH Glory Red Star đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số trái phiếu hoán đổi trị giá 697 tỷ lại cho 3 cá nhân khác theo các thoả thuận chuyển nhượng trái phiếu ký kết có liên quan.

Sau đó cũng vào ngày này, các bên bao gồm Công ty, HNG và các cá nhân trái chủ trên đã tiến hành thực hiện thoả thuận hoán đổi nghĩa vụ nợ trái phiếu này bằng cách cắt trừ khoản nợ vay của HNG đối với Công ty với cùng giá trị 697 tỷ VND theo các Hợp đồng chuyển nhượng khoản vay và Hoán đổi nghĩa vụ trả nợ được ký kết cùng ngày. Theo đó, tại ngày này, nghĩa vụ nợ Trái phiếu hoán đổi đã chuyển sang cho HNG, tương ứng HNG cũng giảm nghĩa vụ nợ vay phải trả đối với Công ty.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017